

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số 30/2021/HC-ST

Ngày 08/11/2021

V/v khởi kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Quy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Thái và ông Nguyễn Ngọc Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Triều.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Ninh Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 và 08 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 22/2020/TLST-HC ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HC ngày 17/9/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐST-HC ngày 18/10/2021 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Văn Ch – sinh năm 1951. Địa chỉ: Thôn Phong Hậu, xã Hòa H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Ch: Ông Nguyễn Khả Th – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Khả Th, Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: Số 10 đường Phan Bội Ch1, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Phú H. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện Phú H: Ông Lê Văn Chì – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Phú H. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Phú H. Ông Nguyễn Văn H – Nhân viên đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

2/ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phú H. Vắng mặt.

3/ Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú H. Ông Nguyễn Thành Q – Nhân viên đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

4/ Ủy ban nhân dân xã Hòa H, huyện Phú H. Ông Nguyễn Ngọc Th1 – Công chức địa chính đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

5/ Công ty cổ phần ABC – Chi nhánh Phú Yên (Nhà máy điện mặt trời Hòa H). Địa chỉ liên hệ: xã Hòa H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6/ Bà Nguyễn Thị Th2 – sinh năm 1956.

7/ Ông Trần Quang L1 – sinh năm 1985.

8/ Bà Trần Thị Kim L2 – sinh năm 1988.

9/ Bà Trần Thị Kim Th2 – sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Thôn Phong Hậu, xã Hòa H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên.

10/ Bà Trần Thị Kim Nh1 – sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn Cẩm Thạch, xã Hòa H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên.

11/ Bà Trần Thị Kim L3 – sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 1, Vĩnh Diêm, Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Các đương sự Th2h, L1, L2, Th2, Nh1, L3 đều vắng mặt tại phiên tòa và có giấy ủy quyền cho ông Ch đại diện tham gia tố tụng.

12/ Vợ chồng ông Y Đen – sinh năm 1937, bà Hồ Trẻ - sinh năm 1945.

13/ Ông Y Khát – sinh năm 1981.

14/ Ông Y Khứ - sinh năm 1983.

15/ Bà Hồ Khương – sinh năm 1991.

16/ Vợ chồng bà Hồ Khư – sinh năm 1986, ông Y Nhạc – sinh năm 1987.

17/ Vợ chồng ông La O Pe – sinh năm 1979, bà Hồ Kham – sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Buôn Hồ Hàm, xã Hòa H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự Đen, Trẻ, Khát, Khứ, Khương, Khư, Nhạc, Pe, Kham vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1/ Ông Y Phấn – sinh năm 1977.

2/ Bà Nguyễn Thị Thắm – sinh năm 1968.

3/ Ông Y Thộn – sinh năm 1959.

4/ Ông Y Sợi – sinh năm 1982.

5/ Ông Y Cái – sinh năm 1918 (1922).

6/ Ông Y Thuyền – sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Buôn Hồ Hàm, xã Hòa H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên.

Người làm chứng Phấn, Thắm, Thộn, Sợi, Cái, Thuyền vắng mặt tại phiên tòa.

7/ Ông Cao Tấn Dũng – Công chức văn hóa xã hội UBND xã Hòa H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người khởi kiện trình bày:

Năm 1980 ông Ch khai hoang, canh tác thửa đất số 25, diện tích 19.728m², tờ bản đồ số 36 tại xã Hòa H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên. Đến năm 2004 ông Ch được UBND huyện Phú H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất, ông Ch canh tác đến năm 2008 thì con ông Ch bị bệnh nặng phải đi thành phố Hồ Chí Minh chữa bệnh trong thời gian dài, do đó ông Ch không canh tác mà bỏ hoang đất. Nên từ năm 2009 ông Y Đen, Y Khát đến chiếm đất canh tác cho đến khi thu hồi đất thực hiện dự án điện mặt trời. Thời điểm đó ông Ch không khởi kiện việc ông Y Đen chiếm đất vì chưa có điều kiện.

Hiện nay toàn bộ thửa đất số 25 diện tích 19.728m² đã thu hồi thực hiện dự án nhưng UBND huyện cho rằng chỉ thu hồi 8328,8m² là không đúng. Đến nay ông Ch chưa nhận được tiền bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 25. Do đó, ông Ch khởi kiện yêu cầu Tòa buộc UBND huyện Phú H thực hiện thủ tục thu hồi đất, bồi thường

và hỗ trợ theo đúng quy định pháp luật đối với 19.728m² đã thực hiện dự án điện mặt trời; buộc UBND huyện Phú H bồi thường thiệt hại do mất thu nhập trong thời gian cản trở thực hiện dự án số tiền 72.000.000đ. Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường diện tích đất 8328,8m² (bút lục 162).

Đối với các thửa đất hiện nay gia đình ông Y Đen, Y Khát đang canh tác thì ông Ch không tranh chấp hay khiếu kiện gì.

Tại phiên tòa, ông Ch thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu UBND huyện bồi thường thiệt hại số tiền 72.000.000đ (chi phí ăn ở tại thửa đất để giữ đất, ngăn cản việc thực hiện dự án và mất thu nhập trong một tháng; bồi thường, hỗ trợ số tiền 320.000.000đ đối với diện tích đất 8328,8m² thuộc thửa số 25 đã thu hồi thực hiện dự án; giao diện tích đất còn lại của thửa số 25 (19.728m² - 8328,8m² = 11.399,2m²) cho ông Ch tiếp tục quản lý, sử dụng theo GCNQSD đất đã cấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ch trình bày:

Hiện nay, GCNQSD đất đứng tên ông Trần Văn Ch vẫn có hiệu lực pháp luật, chưa bị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ hoặc thu hồi nên thửa đất số 25 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Ch. Do đó, nhà nước thu hồi thửa đất số 25 để thực hiện dự án thì phải bồi thường, hỗ trợ cho ông Ch theo đúng quy định pháp luật. Đến nay ông Ch chưa nhận được bất kỳ số tiền bồi thường, hỗ trợ nào đối với thửa đất số 25 bị thu hồi.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch. Ngoài ra, yêu cầu UBND huyện phải chi trả cho ông Ch số tiền 10.827.440đ đang gửi tại Kho bạc nhà nước, UBND huyện cho rằng chỉ thu hồi 8328,8m² (thửa đất số 25) thì yêu cầu UBND huyện giao diện tích đất còn lại của thửa đất số 25 (11.399,2m²) cho ông Ch tiếp tục quản lý, sử dụng.

Người bị kiện UBND huyện Phú H có văn bản trình bày:

UBND huyện cấp GCNQSD đất cho ông Ch là đúng quy định pháp luật. Khi ông Ch có đơn khiếu nại thì UBND xã và Trung tâm phát triển quỹ đất đã tổ chức đối thoại với ông Ch để ghi nhận các kiến nghị, chứ không giải quyết khiếu nại.

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Phú H trình bày:

Thời điểm thu hồi đất, thực hiện dự án thì thửa đất số 25, do ông Y Khát canh tác, trồng cây trên đất nên Công ty cổ phần ABC là nhà đầu tư dự án điện mặt trời đã chi trả cho ông Y Khát số tiền hơn 200 triệu đồng để nhận đất thực hiện dự án. Tuy nhiên, GCNQSD đất thì do ông Trần Văn Ch đứng tên nên UBND huyện ban hành quyết định thu hồi đất diện tích 8328,8m² thuộc thửa đất số 25, diện tích còn lại vẫn do gia đình ông Y Đen, Y Khát quản lý, sử dụng. Thửa đất số 25 được cấp GCNQSD đất cho ông Ch là vượt hạn mức đất nông nghiệp và đã hết thời hạn sử dụng đất nên không bồi thường về đất, chỉ hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại 1.300đ/m² x 8328,8m² = 10.827.440đ cho ông Ch. Các yêu cầu khởi kiện của ông Ch là không có căn cứ để chấp nhận.

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phú H trình bày:

UBND huyện chỉ thu hồi 8328,8m² thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36, đã được cấp GCNQSD đất cho ông Ch.

Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú H trình bày:

Trình tự, thủ tục cấp GCNQSD đất cho ông Ch là đúng quy định Luật đất đai năm 1993 và Nghị định số 64-CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ về việc ban hành bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Qua kiểm tra lại toàn bộ hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông Ch thì không có biên bản kiểm tra thực địa, hiện trạng sử dụng đất khi thực hiện việc cấp GCNQSD đất.

Ủy ban nhân dân xã Hòa H, huyện Phú H trình bày:

Thửa đất số 25, diện tích 19.728m², tờ bản đồ số 36 do gia đình ông Y Đen (Y Khát là con ruột) trực tiếp canh tác, nhưng GCNQSD đất cấp cho ông Trần Văn Ch. Thực hiện dự án chỉ thu hồi 8328,8m², diện tích đất còn lại vẫn do gia đình ông Y Đen quản lý, sử dụng. Việc cấp GCNQSD đất thửa số 25 cho ông Ch là nhầm lẫn, quá trình sử dụng không phát sinh tranh chấp, đến năm 2018 thực hiện thủ tục thu hồi đất thì phát hiện thửa đất số 25 do ông Y Khát canh tác nhưng ông Ch được cấp GCNQSD đất nên mời hai bên đến giải quyết, khi đó ông Ch mới biết và phát sinh tranh chấp.

Công ty cổ phần ABC trình bày: Công ty nhận đất để thực hiện dự án điện mặt trời theo hợp đồng thuê đất với UBND tỉnh Phú Yên. Việc thu hồi, bồi thường về đất do UBND huyện thực hiện, không liên quan đến Công ty.

Gia đình ông Y Đen, Hồ Trẻ, Y Khát, Y Khử, Hồ Khương, Hồ Khư, Y Nhạc, Hồ Kham, La O Pe thống nhất trình bày:

Gia đình ông Y Đen khai hoang, sử dụng đất từ năm 1979 cho đến khi nhà nước thu hồi một phần để thực hiện dự án điện mặt trời, phần đất còn lại hiện gia đình ông Y Đen vẫn canh tác. Quá trình canh tác, sử dụng đất có những người làm chứng, trước khi thực hiện dự án điện mặt trời thì ông Ch không có tranh chấp gì. Ông Ch không có canh tác, sử dụng đất, không biết vị trí ranh giới thửa đất được cấp GCNQSD đất. Trong trường hợp diện tích đất hiện gia đình ông sử dụng mà trước đây nhà nước đã cấp GCNQSD đất cho ông Ch thì ông yêu cầu Tòa hủy GCNQSD đất đối với thửa đất số 25.

Người làm chứng ông Y Phấn trình bày: Gia đình ông khai hoang, canh tác thửa đất gần khu đất gia đình ông Y Đen canh tác, từ trước đến nay ông Y Phấn không thấy ông Ch canh tác, sử dụng đất mà chỉ thấy gia đình ông Y Đen canh tác trên đất.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thắm trình bày: Từ năm 2000 gia đình bà Thắm canh tác thửa đất liền kề thửa đất gia đình ông Y Đen canh tác, chưa từng thấy ông Ch đến canh tác, sử dụng đất.

Người làm chứng ông Y Thộn trình bày: Khoảng năm 1979 ông khai hoang, canh tác thửa đất gần thửa đất gia đình ông Y Đen canh tác thì chỉ thấy gia đình ông Y Đen canh tác trên đất, chưa từng thấy ông Ch đến canh tác, sử dụng đất.

Người làm chứng ông Y Sợi trình bày: Cha mẹ ông có khai hoang, canh tác thửa đất gần thửa đất gia đình ông Y Đen canh tác, khoảng 10 năm trở lại đây thì ông Y Sợi canh tác thửa đất của cha mẹ để lại chỉ thấy gia đình ông Y Đen canh tác trên đất cho đến khi thực hiện dự án điện mặt trời.

Người làm chứng ông Y Cái trình bày: Năm 1975 giải phóng ông khai hoang,

canh tác thửa đất tại địa danh núi Hòn Dựng, xã Hòa H, huyện Phú H cho đến khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án điện mặt trời. Diện tích đất ông Y Đen khai hoang, sử dụng sau này để lại cho các con ông Y Đen sử dụng đến khi thu hồi thực hiện dự án điện mặt trời thì không có ai tranh chấp. Trước đây có thấy ông Ch đến canh tác một diện tích đất tại khu vực núi Hòn Dựng khoảng 01-02 năm rồi bỏ hoang, nhưng ở vị trí khác, không liên quan đến đất gia đình ông Y Đen canh tác.

Người làm chứng ông Y Thuyền trình bày: Năm 1992 ông khai hoang đất tại địa danh núi Hòn Dựng, xã Hòa H, huyện Phú H thì thấy gia đình ông Y Đen canh tác đất tại khu vực này, đến khi thực hiện dự án điện mặt trời thu hồi một phần, hiện nay còn lại một phần đất do các con ông Y Đen canh tác. Không thấy ông Ch canh tác thửa đất nào tại khu vực núi Hòn Dựng.

Người làm chứng ông Cao Tấn Dũng trình bày: Năm 2002 ông làm công chức địa chính của UBND xã Hòa H, hiện nay là công chức văn hóa xã hội của UBND xã Hòa H. Thời điểm thực hiện thủ tục cấp GCNQSD đất cho ông Ch thì không kiểm tra hiện trạng thửa đất mà Phòng Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào hồ sơ do đơn vị đo đạc cung cấp để tham mưu UBND huyện cấp GCNQSD đất cho ông Ch cũng như số lượng lớn người dân địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng đối tượng khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định Luật tố tụng hành chính. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Ch.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã tổ chức đối thoại nhiều lần nhưng người bị kiện là UBND huyện Phú H vắng mặt nên không thể đối thoại được. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện theo ủy quyền, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 157, 158, Điều 159 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vụ án.

Ngày 27/5/2020 ông Ch có đơn khởi kiện yêu cầu UBND huyện thực hiện thủ tục thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ theo đúng quy định pháp luật; Bồi thường thiệt hại do mất thu nhập trong thời gian cản trở thực hiện dự án số tiền 72.000.000đ là còn trong thời hiệu khởi kiện, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên theo Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Ch sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ch đề nghị UBND huyện chi trả số tiền hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại là 10.827.440đ cho ông Ch nhưng ông Ch yêu cầu UBND huyện phải bồi thường, hỗ trợ 320.000.000đ, nên đề nghị của Luật sư là không phù hợp.

Hội đồng xét xử nhận thấy ông Ch sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nhưng không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết các yêu cầu khởi kiện của ông Ch, cụ thể yêu cầu UBND huyện: Bồi thường thiệt hại số tiền 72.000.000đ (chi phí ăn ở tại thửa đất để giữ đất, ngăn cản việc thực hiện dự án và mất thu nhập trong thời gian một tháng); Bồi thường, hỗ trợ số tiền 320.000.000đ đối với diện tích đất 8328,8m² (thửa đất số 25) đã thu hồi thực hiện dự án; Giao diện tích đất còn lại của thửa đất số 25 là 11.399,2m² cho ông Ch tiếp tục quản lý, sử dụng theo GCNQSD đất đã cấp.

Xét trong quá trình tố tụng ông Y Đen trình bày trường hợp diện tích đất hiện gia đình ông sử dụng mà trước đây nhà nước cấp GCNQSD đất cho ông Ch thì ông yêu cầu Tòa hủy GCNQSD đất (thửa đất số 25). Tuy nhiên, sau đó ông Y Đen không có đơn yêu cầu độc lập, vắng mặt tại các phiên đối thoại và phiên tòa. Ngoài ra, tại phiên đối thoại ông Ch trình bày yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất 8328,8m² nhưng sau đó không có đơn khởi kiện bổ sung, tại phiên tòa ông Ch yêu cầu bồi thường, hỗ trợ số tiền 320.000.000đ chứ không đồng ý nhận số tiền 10.827.440đ đã được quyết định phê duyệt phương án bồi thường.

Xét ngày 29/4/2004 UBND huyện Phú H ban hành Quyết định số 855/QĐ-UB V/v cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đợt 2 cho 85 hộ sản xuất nông nghiệp, với tổng diện tích 1.512.158m² tại thôn Phong Hậu, Nhất Sơn và buôn Hồ Hàm, xã Hòa H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên. Trong đó, có GCNQSD đất đứng tên ông Trần Văn Ch, nay ông Ch căn cứ GCNQSD đất để khởi kiện yêu cầu bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và yêu cầu giao diện tích đất còn lại của thửa đất số 25 là 11.399,2m² cho ông Ch tiếp tục quản lý, sử dụng nên Hội đồng xét xử phải xem xét đến giá trị pháp lý của Quyết định số 855/QĐ-UB và GCNQSD đất.

Vì vậy, để giải quyết triệt để, toàn diện vụ án thì căn cứ khoản 1 Điều 6 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phải xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính có liên quan đến yêu cầu khởi kiện, gồm: Quyết định số 855/QĐ-UB, GCNQSD đất, quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất 8328,8m².

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ số tiền 320.000.000đ đối với diện tích đất 8328,8m² (thửa đất số 25) bị thu hồi thực hiện dự án

Xét lời trình bày của ông Ch cho rằng nguồn gốc thửa đất số 25 do ông Ch khai hoang, canh tác từ năm 1980 đến năm 2009 thì gia đình ông Y Đen chiếm đất canh tác (bút lục 162, 197). Nhưng có lúc ông Ch xác định nguồn gốc thửa đất số 25 do ông nhận chuyển nhượng từ ông Trần C vào năm 1988, có lúc ông Ch trình bày năm 1989 anh của ông sang nhượng lại cho ông công khai hoang thửa đất số 25, khi biết ông Y Đen chiếm đất canh tác nhưng ông Ch không khởi kiện vì điều kiện kinh tế khó khăn (bút lục 230, 232). Trong khi bà Nguyễn Thị Thắm (vợ Trần Dư, ông Dư là

em ruột ông Ch) trình bày thửa đất ông Trần C (Trần Văn C) là anh ruột ông Ch đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Dư, bà Thắm vào năm 2000 (hiện nay vợ chồng bà Thắm đang sử dụng, không liên quan đến diện tích đất gia đình ông Y Đen, Y Khát sử dụng).

Như vậy, ông Ch thừa nhận đã biết gia đình ông Y Đen canh tác trên đất từ năm 2009 nhưng không khiếu kiện, đến năm 2018 mới phát sinh tranh chấp. Trong năm 2018 ông Ch khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất, quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất với ông Y Đen, nhưng sau đó ông Ch rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Phú H đã đình chỉ giải quyết vụ án ngày 04/6/2019. Tại phiên đối thoại và tại phiên tòa, ông Ch khẳng định không tranh chấp quyền sử dụng đất mà hiện nay gia đình ông Y Đen (con là Y Khát) đang sử dụng.

Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày của ông Ch trước sau mâu thuẫn, không khách quan, không cung cấp được chứng cứ chứng minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất. Tại phiên tòa, ông Ch tiếp tục trình bày về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất mâu thuẫn với những lời khai có tại hồ sơ vụ án.

Xét lời khai người làm chứng, gia đình ông Y Đen và đại diện UBND xã đều xác định nguồn gốc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36 tại xã Hòa H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên do ông Y Đen khai hoang, sử dụng sau đó để lại cho các con ông Y Đen sử dụng đến khi thu hồi một phần thực hiện dự án.

Qua đối chiếu thửa đất số 25 với bản đồ đo đạc thực hiện dự án cho thấy UBND huyện không thu hồi toàn bộ thửa đất số 25, diện tích 19.728m² như ông Ch trình bày, mà chỉ thu hồi một phần, diện tích còn lại vẫn do gia đình ông Y Đen sử dụng (bút lục 216). Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/10/2020 ông Ch không xác định được vị trí, ranh giới thửa đất số 25 để đo đạc hiện trạng, mà cho rằng toàn bộ diện tích đất đã giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án và không tranh chấp đất đai với gia đình ông Y Đen.

Tại phiên tòa, đại diện UBND xã và Trung tâm phát triển quỹ đất trình bày thời điểm kiểm kê tài sản trên đất có cây trồng của ông Y Khát (con ông Y Đen) nên Công ty cổ phần ABC tự thỏa thuận bồi thường cho ông Y Khát. Gia đình ông Y Đen, Y Khát thống nhất giao đất để thực hiện dự án, không có khiếu kiện. Nhưng qua đối chiếu hồ sơ địa chính thì phát hiện ông Ch đã được cấp GCNQSD đất từ năm 2004 nên UBND xã và Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp mời ông Ch đến giải quyết thì ông Ch mới biết ông được cấp GCNQSD đất thửa số 25.

Qua nghiên cứu hồ sơ cấp GCNQSD đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú H cung cấp thì không có thủ tục kiểm tra hiện trạng thửa đất, bàn giao đất trên thực địa khi UBND huyện cấp GCNQSD đất cho ông Ch và thực tế ông Ch không trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất số 25. Như vậy, năm 2004 UBND huyện cấp GCNQSD đất không đúng quy định tại Điều 21 Luật đất đai năm 1993 “Việc quyết định giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó”.

Tòa án đã có văn bản đề nghị UBND huyện kiểm tra lại hồ sơ cấp GCNQSD đất và cho biết việc cấp GCNQSD đất cho ông Ch có đúng quy định pháp luật hay không. Nhưng UBND huyện vẫn giữ quan điểm việc cấp GCNQSD đất cho ông Ch là đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, từ các viện dẫn nêu trên cho thấy UBND huyện cấp GCNQSD thửa

đất số 25 cho ông Ch là không đúng nguồn gốc sử dụng đất, không đúng đối tượng sử dụng đất. Do đó, cần hủy một phần GCNQSD đất (đối với thửa đất số 25) đứng tên ông Trần Văn Ch và một phần Quyết định số 855/QĐ-UB ngày 29/4/2004 của UBND huyện Phú H V/v cấp GCNQSD đất nông nghiệp đợt 2 cho 85 hộ sản xuất nông nghiệp, với tổng diện tích 1.512.158m² tại thôn Phong Hậu, Nhật Sơn và buôn Hồ Hâm, xã Hòa H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên (phần cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn Ch đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36, diện tích 19.728m², loại đất HNK, thời hạn sử dụng đến tháng 12/2013 tại xã Hòa H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên).

Lẽ ra, UBND huyện phải căn cứ điểm d khoản 2, 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 để thu hồi GCNQSD đất đã cấp đứng tên ông Ch (thửa đất số 25). Sau đó, xác định người được quyền sử dụng đất và ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường theo đúng quy định pháp luật. Nhưng UBND huyện không thực hiện mà ban hành thông báo thu hồi đất ghi tên cả hai ông Trần Văn Ch và ông Y Khát là không đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, thông báo thu hồi đất không phải là quyết định hành chính được quy định tại khoản 1, 2 Điều 3, Điều 30 Luật tổ tụng hành chính nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy, ông Ch không phải là người sử dụng thửa đất số 25 nên căn cứ các Điều 74, 75, 76, 77, 166 Luật đất đai năm 2013 ông Ch không được bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Do đó, ông Ch yêu cầu bồi thường, hỗ trợ số tiền 320.000.000đ do thu hồi diện tích đất 8328,8m² là không có căn cứ để chấp nhận.

UBND huyện ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ cho ông Ch số tiền 10.827.440đ là không đúng. Ngoài ra, quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường đều do Phó Chủ tịch UBND huyện ký thay Chủ tịch UBND huyện là không đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần hủy quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường.

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Phú H, UBND huyện Phú H có trách nhiệm xử lý số tiền 10.827.440đ đang gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Phú H theo quy định pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại 72.000.000đ (chi phí ăn ở tại thửa đất để giữ đất, ngăn cản việc thực hiện dự án và mất thu nhập trong thời gian một tháng)

Xét trường hợp ông Ch không đồng ý với việc thu hồi, bồi thường về đất thì có quyền khiếu nại theo Luật khiếu nại hoặc khởi kiện tại Tòa án theo Luật tổ tụng hành chính để được giải quyết theo quy định pháp luật. Hành vi cản trở quá trình thu hồi đất, thực hiện dự án là trái pháp luật, nên ông Ch yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu giao diện tích đất còn lại của thửa đất số 25 là 11.399,2m² cho ông Trần Văn Ch tiếp tục quản lý, sử dụng

Trong quá trình tố tụng ông Ch xác định toàn bộ thửa đất số 25 đã thu hồi, thực hiện dự án nhưng tại phiên tòa ông Ch thay đổi lời khai. Tuy nhiên, ông Ch không xác định được ranh giới, vị trí diện tích đất còn lại của thửa số 25 sau khi thu hồi. Đồng thời, ông Ch thừa nhận không tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình ông Y Đen đang sử dụng (phần còn lại của thửa đất số 25). Qua các phân tích tại Mục [2.1]

thì yêu cầu này của ông Ch là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Ch là không có căn cứ pháp luật, đề nghị của Luật sư không phù hợp với những nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Ch.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Trần Văn Ch phải chịu án phí hành chính sơ thẩm (300.000đ), dân sự sơ thẩm ($72.000.000đ \times 5\% = 3.600.000đ$) và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật (3.000.000đ).

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Ch không có đơn xin miễn án phí (không yêu cầu miễn án phí) theo điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 6, điểm a, b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 66, Điều 74, 75, 76, 77, 166, điểm d khoản 2, 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1/ Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Ch, về yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Phú H: Bồi thường thiệt hại số tiền 72.000.000đ (chi phí ăn ở tại thửa đất để giữ đất, ngăn cản việc thực hiện dự án và mất thu nhập trong thời gian một tháng); Bồi thường, hỗ trợ số tiền 320.000.000đ đối với diện tích đất 8328,8m² (thửa đất số 25) đã thu hồi thực hiện dự án; Giao diện tích đất còn lại của thửa đất số 25 (11.399,2m²) cho ông Trần Văn Ch tiếp tục quản lý, sử dụng. Vì không có căn cứ pháp luật.

2/ Hủy Quyết định số 6898/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Phú H về việc thu hồi đất để thực hiện dự án nhà máy điện mặt trời Hòa H, xã Hòa H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên (đợt 4), diện tích 8328,8m² của ông Trần Văn Ch, thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36 tại xã Hòa H.

3/ Hủy một phần Quyết định số 6942/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Phú H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án nhà máy điện mặt trời Hòa H, xã Hòa H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên (đợt 4), phần hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại 10.827.440đ cho ông Trần Văn Ch.

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Phú H, Ủy ban nhân dân huyện Phú H có trách nhiệm xử lý số tiền 10.827.440đ đang gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Phú H theo đúng quy định pháp luật.

4/ Hủy một phần Quyết định số 855/QĐ-UB ngày 29/4/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Phú H về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đợt 2 cho 85 hộ sản xuất nông nghiệp, với tổng diện tích 1.512.158m² tại thôn Phong Hậu, Nhất Sơn và buôn Hồ Hàm, xã Hòa H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên (phần cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn Ch đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ

số 36, diện tích 19.728m², loại đất HNK, thời hạn sử dụng đến tháng 12/2013 tại xã Hòa H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên).

5/ Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trần Văn Ch được Ủy ban nhân dân huyện Phú H cấp ngày 29/4/2004 (đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36, diện tích 19.728m², loại đất HNK, thời hạn sử dụng đến tháng 12/2013 tại xã Hòa H, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên).

Về án phí: Căn cứ Điều 345, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 1, 7 Điều 32, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Trần Văn Ch phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 519 ngày 03/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên (do Nguyễn Ngọc Phi nộp thay).

Ông Trần Văn Ch phải chịu 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 358, Điều 359 Luật tổ tụng hành chính. Ông Trần Văn Ch phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng), đã nộp đủ.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Phòng KTNV và THA;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đậu Thị Quy